

CAHIER DES CLAUSES TECHNIQUES PARTICULIERES

CÁC YÊU CẦU CỤ THỂ VỀ KỸ THUẬT

Nettoyage
Dịch vụ vệ sinh

Nettoyage quotidien et hebdomadaire usuel (cf tableau ci-après).
Vệ sinh hàng ngày và hàng tuần (bảng chi tiết đính kèm).

Nettoyage périodique approfondi aux fermetures de l'établissement (congés scolaires).
Vệ sinh định kỳ cụ thể trong giai đoạn không có học sinh (Nghỉ giữa học kỳ, nghỉ hè).

Nettoyage périodique des vitres extérieures et intérieures (ajouter la fréquence)
Vệ sinh định kỳ kính bên trong và bên ngoài (Thêm tần suất)

Nettoyage périodique des matelas du gymnase (ajouter la fréquence)
Vệ sinh định kỳ nệm và thảm nhà thi đấu (Thêm tần suất)

Description Mô tả	Quotidien Hàng ngày	Hebdomadaire Hàng tuần	Vacances scolaires Nghỉ giữa học kỳ, nghỉ hè
Remplacement de sacs poubelles Thay thế bao rác			
Nettoyage des sols Vệ sinh sàn			
Nettoyage des tables et bureaux Vệ sinh bàn học và bàn làm việc			
Nettoyage du tableau Vệ sinh bảng			
Dépoussiérage et nettoyage du mobilier Lau bụi và vệ sinh tủ, kệ			
Dépoussiérer les murs, enlever les toiles d'araignée Lau bụi trên tường và quét mạng nhện			
Nettoyer les portes et interrupteurs Vệ sinh các cửa và công tắc điện			
Frotter et polir les sols Chà và đánh sàn nhà			
Nettoyage vitres intérieures et extérieures Vệ sinh kính bên trong và bên ngoài các lớp học			

Périmètre de nettoyage de l'établissement pour lequel le LFI Duras sollicite la prestation (en rouge) :
Phạm vi công việc vệ sinh mà LFI DURAS yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ (màu đỏ) :

Intérieur: 6 postes:

Vệ sinh khu vực bên trong các phòng : 6 nhân viên:

Lundi - Vendredi: 15h-21h

Từ thứ 2 đến thứ 6: 15h-21h

Samedi et Permanence: 8am-5pm.

Thứ 7 và các ngày trực: 8am-5pm.

No Số TT	Building Tòa nhà	Room Number Số phòng	Function Chức năng	Area(m2) Khu vực
1	A	First aid	First aid / Phòng y tá	25
2	A	UPMD	UPMD / Phòng hội phụ huynh	21
3	E	Motricité	Multicite / Phòng gym cấp 1	210
4	G	G101	GYM	15
5	G	G106	GYM	29
6	P	P001	Salle de classe/ Phòng học	28.6
7	P	P002	Salle de classe /Phòng học	55.3
8	P	P003	Salle de classe Phòng học	55.3
9	P	P007	Salle de classe/ Phòng học	57.3
10	P	P008	Salle de classe / Phòng học	55.3
11	P	P011	Salle de classe / Phòng học	61
12	P	P012	Salle de classe / Phòng học	60.8
13	P	P013	Salle de classe / Phòng học	32.6
14	P	P015	Salle de classe / Phòng học	47.4
15	P	P016	Salle de classe / Phòng học	51.3

16	P	P021	Salle de classe / Phòng học	29.1
17	P	P027	Salle de classe / Phòng học	55.3
18	P	P028	Salle de classe / Phòng học	55.3
19	P	P029	Dortoir / Phòng ngủ	35
20	P	P030	Salle de classe / Phòng học	37.9
21	P	P032	Salle de classe / Phòng học	56
22	P	P033	Salle de classe / Phòng học	56
23	P	P101	Salle de classe / Phòng học	51.9
24	P	P102	Salle de classe / Phòng học	55
25	P	P103	Salle de classe / Phòng học	50.3
26	P	P105	Salle de classe / Phòng học	50.3
27	P	P106	Salle de classe / Phòng học	50.3
28	P	P107	Salle de classe / Phòng học	50.3
29	P	P112	Salle de classe / Phòng học	50.3
30	P	P113	Salle de classe / Phòng học	50.3
31	P	P116	Salle de classe / Phòng học	50.3
32	P	P117	Salle de classe / Phòng học	50.3
33	P	P118	Salle de classe / Phòng học	50.3
34	P	P119	Salle de classe / Phòng học	56
35	P	P120	Salle de classe / Phòng học Phòng	56
36	S	BCD + CDI	Thư viện	398

37	S	S001	Foyer Phòng sinh hoạt	64.6
38	S	S002	Surveillants Phòng giám thị	18.8
39	S	S003	CPE Phòng tổng giám thị	14.4
40	S	S004	Salle de classe / Phòng học	24.5
41	S	S005	IT room Phòng IT	20.8
42	S	S007	Permanence room Phòng ôn bài	73.8
43	S	S008	Techno Phòng học môn kỹ thuật	86.3
44	S	S009	Computer room Phòng máy tính	80.2
45	S	S010	Computer room Phòng máy tính	83.2
46	S	S011	Salle de classe / Phòng học	59
47	S	S012	Salle de classe / Phòng học	59
48	S	S101	Salle de classe / Phòng học	59
49	S	S105	Salle de classe / Phòng học	59
50	S	S106	Salle de classe / Phòng học	60
51	S	S107	Salle de classe / Phòng học	59
52	S	S108	Salle de classe / Phòng học	59
53	S	S109	Salle de classe / Phòng học	59
54	S	S110	Salle de classe / Phòng học	59
55	S	S114	Salle de classe / Phòng học	59
56	S	S115	Salle de classe / Phòng học	59

57	S	S116	Salle de classe / Phòng học	59
58	S	S120	Labo / Phòng thí nghiệm	92.4
59	S	S121	Labo / Phòng thí nghiệm	74.4
60	S	S123	Labo / Phòng thí nghiệm	36
61	S	S126	Labo / Phòng thí nghiệm	73.1
62	S	S127	Labo / Phòng thí nghiệm	76.6
63	S	S130	Salle de classe / Phòng học	56.7
64	S	S131	Salle de classe / Phòng học	56.7
65	S	S132	Salle de classe / Phòng học	27.8
66	S	S133	Salle de classe / Phòng học	27.8
67	S	S135	Salle de classe / Phòng học	55.6
68	S	S136	Salle de classe / Phòng học	56.7
69	S	S137	Salle de classe / Phòng học	56.7
70	S	S138	Salle de classe / Phòng học	56.7
71	T	Theatre	Theatre / Nhà hát	265
			Total:	4,387

Extérieurs : 3 positions

Vệ sinh khu vực bên ngoài : 3 vị trí

Lundi – vendredi / Từ thứ 2 đến thứ 6 : 7am-3:30pm

Permanence / Ngày trực: : 7am-3:30pm

GYM(M2) Khu vực nhà thi đấu		COURS EXTERIEURES(m2) Sân chơi, hành lang		PARKING(m2) Bãi đậu xe	
Pool area Khu vực hồ bơi	290	Primary court Sân chơi cấp 1	904	Bus Parking Bãi đậu xe bus	3342
GYM ground Sân nhà thi đấu	1523	Kindergarten court Sân chơi mẫu giáo	490	Gate front Khu vực trước cổng chính	530
Walkway Lối đi	247	2 linkways+corr admin Hành lang khu vực hành chính	193	Terrace Sân thượng	562
Basketball Sân bóng rổ	738	Hall canteen Pri Sảnh phòng ăn cấp 1	143		
First floor Tầng 1	180	Pri hall, corr Sảnh và hành lang cấp 1	334		
Running track Đường chạy bộ	730	Walkway(to canteen Pri)+shelter Pri Lối đi trước phòng ăn cấp 1	173		
		Walkway(main gate to Pri hall) Lối đi từ cổng chính đến sảnh cấp 1	212		
		Main courtyard Sân chơi chính	934		
		Bike parking and delivery Khu vực để xe đạp và giao hàng	550		
		4 toilets(CDI, Admin, Theater(2)) 4 nhà vệ sinh (Thư viện, hành chính, nhà hát (2))	67		
	3,708		3,933		4,434

Les agents sont couverts par une assurance, responsabilité civile et couverture sociale par la société candidate.

Le candidat fournira les équipements de protection et uniformes de travail à son personnel et les détaillera dans son offre.

Le candidat fournira les équipements d'entretien et les produits d'entretien.

Nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo các nhân viên phải có bảo hiểm trách nhiệm nhân sự và được tham gia BHXH

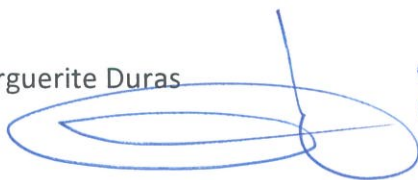
Nhà cung cấp dịch vụ cung cấp các dụng cụ bảo hộ lao động và đồng phục cho nhân viên

Nhà cung cấp dịch vụ cung cấp dụng cụ vệ sinh và chất tẩy rửa.

Le candidat s'engage à proposer des produits responsables sur le plan environnemental et en faire la démonstration dans le cadre de la labellisation de l'établissement au développement durable.

Nhà cung cấp dịch vụ cam kết sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, nhằm góp phần trong việc bảo đảm phát triển bền vững của trường.

LYCEE Français international Marguerite Duras



Le Provisseur
Jean - Hugues MOTA
 LEE FRANCAIS INTERNATIONAL MARGUERITE DURAS
 DISTRICT 9 - QUARTIER LONG BINH - ROUTE 11
 HO CHI MINH VILLE - VIETNAM
 Tel: (8) 37 25 22 08 - Fax: (8) 37 25 22 18

**OFFRE VALANT ACTE D'ENGAGEMENT
BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU**

MAPA du 9/11/2022., code nomenclature « nettoyage », lancé en application des principes du code de la commande publique français.

Gói thầu theo luật công, mã danh mục « vệ sinh », được công bố ngày 09/11/2022 và được áp dụng theo luật quy định về mua hàng công của nước Cộng hòa Pháp.

Objet : prestation de services de nettoyage

Gói thầu: Cung cấp dịch vụ vệ sinh

Fournisseur :

Nhà cung cấp :

Je soussigné,.....

Tôi ký dưới đây,.....

agissant au nom et pour le compte de :.....

Với tư cách là đại diện của :.....

dont le siège social est :.....

Có trụ sở chính tại :.....

après avoir pris connaissance du marché visé en objet, de ses modalités et des clauses techniques particulières :

sau khi đã đọc và hiểu rõ nội dung của gói thầu, cũng như các phương thức và các điều khoản chuyên môn kỹ thuật :

m'engage sans réserve (*) à traiter avec le lycée français international Marguerite Duras selon les modalités jointes en annexe (ci-joint contrat, proposition de prix, tarif appliqué ou bordereau de prix)

Tôi cam kết không đưa ra bất kỳ phản đối nào, thực hiện gói thầu với Trường Pháp Quốc Tế Marguerite Duras theo đúng yêu cầu đính kèm trong phụ lục (hợp đồng, đề xuất giá, giá áp dụng hoặc biểu giá).

Affirme sur l'honneur et sous peine de résiliation de plein droit du marché à mes torts exclusifs être en règle avec les administrations fiscale et sociale.

Chấp nhận bị chấm dứt hợp đồng trong trường hợp có hành vi vi phạm đối với các cơ quan hành chính quản lý về thuế và an sinh xã hội.

Affirme respecter l'égalité professionnelle entre les femmes et les hommes au sein de mon entreprise.

Tôn trọng quyền bình đẳng giới tại nơi làm việc.

A.....le

CACHET

SIGNATURE